BM.TCCB.03.01

SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN VŨ QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 144/BC-KHTH

Vũ Quang, ngày 10 tháng 06 năm 2019

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế Hà Tĩnh.

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Quang.

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 107/SYT-GPHĐ do Sở Y tế Hà Tĩnh cấp ngày 07 tháng 04 năm 2014.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5 thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Văn Toại

Điện thoại liên hệ: 0913 294 934; Email: nguyenvantoaivq@gmail.com.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Quang công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: khoa Nội, khoa Ngoại, khoa Phụ sản, Khoa Nhi, khoa Hồi sức cấp cứu, Khoa Truyền nhiễm, khoa 3 chuyên khoa, khoa Cận lâm sàng, khoa Y học dân tộc.

2. Trình độ đào tạo thực hành: Bác sỹ, Y sỹ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên, Dược và người lao động khác *(Có phụ lục BM.TCCB.03.02 kém theo).*

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): *(Có phụ lục BM.TCCB.03.03 kèm theo).*

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu.

TT	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Thạc sỹ, bác sỹ	Nội khoa	01	
2	Bác sỹ CKI	Ngoại khoa	02	
3	Bác sỹ CKI	Nội khoa	02	
4	Bác sỹ CKI	Sản phụ khoa	01	
5	Bác sỹ CKI	Răng - Hàm - Mặt	01	
6	Bác sỹ CKI	Hồi sức cấp cứu	01	
7	Bác sỹ CKI	Nhi khoa	01	
8	Bác sỹ CKI	Truyền nhiễm	01	
9	Dược sỹ đại học	Dược, dược lâm sàng	02	
10	Bác sỹ	Y học cổ truyền	01	

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng.

TT	Tên khoa/Phòng	Số giường bệnh/ Ghế răng	Ghi chú
1	Khoa Nội - TN - HSCC - Nhi	40	
2	Khoa Ngoại	12	
3	Khoa Phụ sản	07	
4	Khoa Y học dân tộc	06	
5	Khoa 3 chuyên khoa	5/2 Ghế răng	

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành *(Có phụ lục BM.TCCB.03.04 kèm theo).*

Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Quang cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KHTH.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VŨ QUANG

Nguyễn Văn Toại

BM.TCCB.03.02

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH

(Tại 1 thời điểm)

(Ban hành kèm theo Công văn số 144/BV-KHTH ngày 10/6/2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Quang)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học thực hành tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội - TN - HSCC - Nhi		15				
2		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội - TN - HSCC - Nhi		15				
3		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội - TN - HSCC - Nhi		15				
4		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội - TN - HSCC - Nhi		15				
5		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội - TN - HSCC - Nhi		15				
6		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội - TN - HSCC - Nhi		15				
7		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội - TN - HSCC - Nhi		15				

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học thực hành tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
8		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội - TN - HSCC - Nhi		15				
9		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội - TN - HSCC - Nhi		15				
10		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội - TN - HSCC - Nhi		15				
11		Cử nhân	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Khoa Khám bệnh		15				
12		Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Khoa Khám bệnh		15				
13		Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Khoa Khám bệnh		15				
14		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa 3 chuyên khoa		15				
15		Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa 3 chuyên khoa		15				
16		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Ngoại		15				
17		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Ngoại		15				
18		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Ngoại		15				
19		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Ngoại		15				

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học thực hành tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
20		Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Ngoại		15				
21		Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và GĐ	Dạy học TH	Khoa Phụ sản		15				
22		Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc bà mẹ khi mang thai	Dạy học TH	Khoa Phụ sản		15				
23		Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	Dạy học TH	Khoa Phụ sản		15				
24		Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ	Dạy học TH	Khoa Phụ sản		15				
25		Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc phụ nữ phá thai	Dạy học TH	Khoa Phụ sản		15				
26		Trung cấp	Y sỹ YHCT	Y học cổ truyền	Dạy học TH	Y học cổ truyền		15				
27		Trung cấp	Y sỹ YHCT	Y học cổ truyền	Dạy học TH	Y học cổ truyền		15				
28		Trung cấp	Y sỹ YHCT	Y học cổ truyền	Dạy học TH	Y học cổ truyền		15				
29		Trung cấp	Y sỹ YHCT	Y học cổ truyền	Dạy học TH	Y học cổ truyền		15				
30		Trung cấp	Y sỹ YHCT	Y học cổ truyền	Dạy học TH	Y học cổ truyền		15				

Vũ Quang, ngày 10 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VŨ QUANG

Nguyễn Văn Toại

BM.TCCB.03.03

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Công văn số 144/BV-KHTH ngày 10/6/2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Quang)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Văn Toại	Bác sỹ CKI	Chuyên ngành Ngoại khoa	0002209/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Ngoại	19		Dạy học TH	Khoa Ngoại	
2	Lê Đình Toàn	Thạc sỹ, bác sỹ	Chuyên ngành Nội khoa	0002166/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội	26		Dạy học TH	Khoa Nội - TH - HSCC - Nhi	
3	Lê Ngọc Biên	Bác sỹ CKI	Chuyên ngành Ngoại khoa, Định hướng chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	0004319/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Ngoại	12		Dạy học TH	Khoa Ngoại	
4	Hồ Bá Dũng	Bác sỹ CKI	Chuyên ngành Nội khoa	002194/HT -CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội	18		Dạy học TH	Khoa Nội - TH - HSCC - Nhi	
5	Đặng Văn Phú	Bác sỹ CKI	Chuyên ngành Nội khoa	0002745/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội	20		Dạy học TH	Khoa khám bệnh	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
6	Lê Văn Toàn	Bác sỹ CKI	Chuyên ngành Sản phụ khoa	0004406/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Sản phụ khoa	17		Dạy học TH	Khoa Phụ sản	
7	Nguyễn Doãn Hùng	Bác sỹ CKI	Chuyên ngành Răng, Hàm, Mặt	0004318/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Răng, Hàm, Mặt	14		Dạy học TH	Khoa 3 chuyên khoa	
8	Nguyễn Đăng Công	Bác sỹ CKI	Chuyên ngành Hồi sức cấp cứu	0002196/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chứng chỉ hồi sức cấp cứu	18		Dạy học TH	Khoa Nội - TH - HSCC - Nhi	
9	Đặng Minh Hoàng	Bác sỹ CKI	Chuyên ngành Nhi khoa	0002190/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	17		Dạy học TH	Khoa Nội - TH - HSCC - Nhi	
10	Nguyễn Sơn Lâm	Bác sỹ CKI	Chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh	0002202/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Siêu âm tổng quát	17		Dạy học TH	Khoa Cận lâm sàng	
11	Hoàng Thế Anh	Bác sỹ CKI	Chuyên ngành Truyền nhiễm	0002222/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	18		Dạy học TH	Khoa khám bệnh	
12	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Bác sỹ	Đa khoa	0004834/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5		Dạy học TH	Khoa Nội - TH - HSCC - Nhi	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
13	Trần Thị Hạnh Nhân	Bác sỹ	Đa khoa, chuyên khoa Sản	0002173/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Sản	17		Dạy học TH	Khoa Phụ sản	
14	Trần Thị Hòa	Bác sỹ	Đa khoa, Định hướng chuyên khoa Phục hồi chức năng	005141/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Phục hồi chức năng	13		Dạy học TH	Khoa Nội - TH - HSCC - Nhi	
15	Võ Quang Anh	Bác sỹ	Đa khoa	004931/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	17		Dạy học TH	Khoa Ngoại	
16	Nguyễn Đồng	Bác sỹ	Đa khoa, Định hướng chuyên khoa Nội soi Tai, Mũi, Họng	005248/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	13		Dạy học TH	Khoa khám bệnh	
17	Nguyễn Thị Ngọc	Bác sỹ	Đa khoa, chứng chỉ Nội soi Tai, Mũi, Họng	004836/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	4		Dạy học TH	Khoa khám bệnh	
18	Nguyễn Trí Toản	Bác sỹ	Đa khoa, Chứng chỉ Nội soi Dạ dày, Tá tràng	0004479/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	12		Dạy học TH	Khoa Nội - TH - HSCC - Nhi	
19	Đoàn Quý Đức	Bác sỹ	Đa khoa, chuyên khoa Ngoại	0002220/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa ngoại	17		Dạy học TH	Khoa Ngoại	
20	Trần Đình Hoàng	Bác sỹ	Đa khoa, Chứng chỉ Siêu âm cơ bản	004930/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	18		Dạy học TH	Khoa Cận lâm sàng	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
21	Trần Thị Thanh Huyền	Bác sỹ	Y học cổ truyền	0004456/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	6		Dạy học TH	Khoa Y học dân tộc	
22	Đặng Trường Sơn	Bác sỹ	Đa khoa, Định hướng chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh, đinh hướng chuyên hoa gây mê hồi sức, định hướng chuyên khoa huyết học truyền máu	0004320/ HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Định hướng chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh, đinh hướng chuyên hoa gây mê hồi sức, định hướng chuyên khoa huyết học truyền máu	18		Dạy học TH	Khoa Cận lâm sàng	
23	Nguyễn Tiến Thực	Dược sỹ	Đại học dược			8		Dạy học TH	Khoa Dược	
24	Lê Văn Phong	Dược sỹ	Đại học dược			17		Dạy học TH	Khoa Dược	

BM.TCCB.03.04

DANH MỤC
CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Công văn số 144/BV-KHTH ngày 10/6/2019 của Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Quang)

TT	Tên trang thiết bị	Số lương	Ghi chú
1. Khoa Nội - Truyền nhiễm - HSCC - Nhi			
1	Máy tạo và nén oxy	4	
2	Monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số	1	
3	Bơm tiêm điện	1	
4	Máy truyền dich	1	
5	Máy khí dung	5	
6	Máy hút nhớt	2	
7	Máy kéo giãn cột sống	1	
8	Máy siêu âm điều trị	1	
9	Máy điện xung, điện phân	1	
2. Khoa Ngoại			
1	Hệ thống phẫu thuật nội soi	1	
2	Đèn quang trùng hợp litex	1	
3	Bàn mổ	1	
4	Đèn ngù mổ crdisisa	1	
5	Đèn mổ 9 bóng	1	
6	Bàn mổ tecnomed	1	
7	Dao mổ điện acker man	1	
8	Dao mổ điện martin	1	
9	Máy khoan xương elanec	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lương	Ghi chú
10	Máy truyền dịch tự động	1	
11	Máy thở ceimsa	1	
12	Máy tạo oxy	1	
3. Khoa Phụ sản			
1	Máy soi cổ tử cung	1	
2	Monitor đo tim thai sản khoa	1	
3	Máy hút nhớt trẻ sơ sinh	1	
4. Khoa Khám bệnh			
1	Máy đo chức năng hô hấp	1	
2	Máy đo lưu huyết não	1	
5. Khoa 3 Chuyên khoa			
1	Hệ thống nội soi Tai - Mũi - Họng	1	
2	Ghế răng Sunten ST-D302	2	
3	Máy lấy cao răng ART Magnet	1	
4	Máy hơi	2	
6. Khoa Y học dân tộc			
1	Nồi thủy tinh sắc thuốc đông y	1	
2	Máy sắc thuốc 16 ấm	1	
3	Máy điện châm	5	
7. Khoa Cận lâm sàng			
1	Máy siêu âm 4D	1	
2	Máy siêu âm Doppler chuyên tim 4D	1	
3	Máy X-quang chụp tổng hợp cao tần 60KHZ (Kỹ thuật số)	1	
4	Máy X - quang	1	

TT	Tên trang thiết bị	Số lương	Ghi chú
5	Hệ thống nội soi Dạ dày tá tràng	1	
6	Máy phân tích huyết học tự động BC 2800-Mindray	1	
7	Máy phân tích sinh hóa nước tiểu 10 thông số	1	
8	Máy điện tim 3 cần	1	
9	Máy xét nghiệm sinh hóa 3000 EVOLTION	1	
10	Máy ly tâm máu	1	
11	Máy ly tâm máu Centuric	1	
12	Máy ly tâm Selecta	1	
13	Máy sinh hóa máu evolution	1	
14	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số Cliniltiek-Status	1	
15	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	1	
16	Máy xét nghiệm huyết học	2	
17	Máy nội soi Provix	1	

Vũ Quang, ngày 10 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VŨ QUANG
TỈNH HÀ TĨNH

Nguyễn Văn Toại